

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 41



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Thủy điện Cần Đơn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển BOT Cần Đơn thuộc Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000032 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp bổ sung 13 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi số đăng ký kinh doanh thành 3801068943, đăng lý thay đổi lần thứ 13 vào ngày 27 tháng 09 năm 2019.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0271 356 3359
- Fax : 0271 356 3133

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn – Nhà Máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, xã Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn – Nhà Máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm);
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết, nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân; tiếp nhận, vận tải vật tư thiết bị./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Viết	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Tuyển	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Viết Đoàn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Mai Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 11 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Ngọc Hoàn - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Ngọc Hoàn

Ngày 04 tháng 6 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0405/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Thủy điện Cần Đơn”), được lập ngày 04 tháng 6 năm 2021, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Thủy điện Cần Đơn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Thủy điện Cần Đơn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Thủy điện Cần Đơn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Thủy điện Cần Đơn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các hợp đồng cho vay và các phụ lục kèm theo của Công ty với các đối tượng vay đã hết hạn từ năm 2015 (Xem Thuyết minh số VIII.3 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) và đã không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế, Công ty cũng chưa có được các thỏa thuận thống nhất với các bên vay về việc thu gốc vay và lãi vay sau khi các thỏa thuận nêu trên hết hạn và đang tiến hành khởi kiện các bên vay. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi không thu thập được các thỏa thuận được thống nhất giữa các bên cũng như biên bản xác nhận công nợ phân tách rõ số dư gốc vay và lãi vay như Công ty đã trình bày tại thuyết minh số V.4 và V.5. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các điều chỉnh mà Công ty đã trình bày tại thuyết minh số VIII.4 cũng như việc tính toán các số liệu đã trình bày tại thuyết minh số VIII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Thủy điện Cần Đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến ngoại trừ nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được phát hành lại thay cho Báo cáo tài chính hợp nhất đã lập ngày 08 tháng 4 năm 2021 do Công ty tính lại lãi cho vay, ghi nhận bổ sung doanh thu hoạt động tài chính và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn, số tiền 11.427.112.182 VND.


Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 2.0377/21/TC-AC ngày 08 tháng 4 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021



Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		685.270.923.887	675.303.410.199
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.955.191.305	97.826.168.193
1. Tiền	111		24.955.191.305	27.826.168.193
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	50.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		619.553.949.979	522.308.876.930
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	617.900.514.811	513.293.572.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.119.857.693	2.881.986.693
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	54.883.256.722	41.199.189.264
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	23.266.038.905	29.484.309.409
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(77.615.718.152)	(64.550.181.212)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.725.665.165	4.544.589.917
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.725.665.165	4.544.589.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.036.117.438	623.775.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	634.949.302	623.775.159
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		401.168.136	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		628.681.608.019	688.851.779.083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		585.973.957.040	647.937.499.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	582.573.957.040	644.537.499.209
<i>Nguyên giá</i>	222		1.958.635.143.483	1.958.135.443.483
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.376.061.186.443)	(1.313.597.944.274)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.749.890.843	19.749.890.843
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	19.749.890.843	19.749.890.843
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.841.309.273	1.841.309.273
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.841.309.273	1.841.309.273
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.116.450.863	19.323.079.758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.196.509.714	5.217.667.021
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		12.919.941.149	14.105.412.737
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.313.952.531.906	1.364.155.189.282

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		427.868.256.740	424.530.483.742
I. Nợ ngắn hạn	310		191.303.608.605	180.636.171.253
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	49.821.912.005	48.690.284.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		125.000.000	7.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	29.893.563.689	30.998.073.278
4. Phải trả người lao động	314		12.243.718.574	7.814.045.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.609.701.937	915.041.449
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	73.660.359.307	73.099.831.809
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	9.733.703.795	8.710.700.766
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	6.215.649.298	10.408.186.589
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		236.564.648.135	243.894.312.489
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	-	100.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	232.081.194.313	241.788.551.003
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.18	4.483.453.822	2.005.761.486
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		886.084.275.166	939.624.705.540
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	886.049.679.569	939.590.109.943
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.212.070.479	1.212.070.479
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		84.463.037.561	84.463.037.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		101.498.007.478	153.702.855.044
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		413.453.044	153.702.855.044
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		101.084.554.434	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.890.364.051	10.225.946.859
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.313.952.531.906	1.364.155.189.282

Lập, ngày 07 tháng 6 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Bé

Hồ Thị Huế

Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	331.270.455.251	425.122.607.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		331.270.455.251	425.122.607.256
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	153.303.947.548	187.794.507.737
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		177.966.507.703	237.328.099.519
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.867.741.335	7.672.058.996
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.068.319.365	18.612.087.853
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.048.885.173	18.595.438.935
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	49.947.291.864	33.596.380.475
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.818.637.809	192.791.690.187
12. Thu nhập khác	31	VI.6	770.175.813	631.445.264
13. Chi phí khác	32	VI.7	321.970.467	994.780.215
14. Lợi nhuận khác	40		448.205.346	(363.334.951)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		128.266.843.155	192.428.355.236
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		26.040.179.193	38.830.973.153
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	2.477.692.336	685.574.249
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.748.971.626	152.911.807.834
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		101.084.554.434	153.702.855.044
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.335.582.808)	(791.047.210)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.465	2.106
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.465	2.106

Lập, ngày 04 tháng 6 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Bé

Hồ Thị Huệ



Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		128.266.843.155	192.428.355.236
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	62.394.697.522	75.799.053.782
- Các khoản dự phòng	03		13.065.536.940	(2.364.709.546)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(188.970.018)	(106.469.741)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(15.677.001.503)	(7.513.526.809)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	16.048.885.173	18.595.438.935
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		203.909.991.269	276.838.141.857
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(147.800.151.398)	8.476.479.708
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.004.396.340	(138.372.834)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	V.4	7.197.575.884	(3.489.002.675)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.990.016.836)	(1.090.259.849)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.6	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.057.538.251)	(18.612.880.957)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(27.882.535.818)	(22.176.166.297)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	2.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.7	(12.518.292.644)	(11.355.885.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.865.428.546	228.452.053.044
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(644.399.523)	(4.790.292.076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(68.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		75.000.000.000	133.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.249.889.321	7.513.526.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		57.605.489.798	67.723.234.733

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.9b	-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1.300.000.000	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(6.600.000.000)	(5.910.722.916)	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.10	(106.042.169.370)	(241.209.355.850)	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(111.342.169.370)	(247.120.078.766)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37.871.251.026)	49.055.209.011		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	97.826.168.193	48.771.007.153		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		274.138	(47.971)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.11	59.955.191.305	97.826.168.193		

Lập, ngày 09 tháng 6 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Bé

Hồ Thị Huệ



Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên có trụ sở chính tại Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 81,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có 252 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 268 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn,): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-40
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	03-08

Riêng đối với tài sản cố định là Nhà máy thủy điện Cần Đơn được thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong năm trên tổng sản lượng thiết kế vận hành tính trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và công ty con chỉ gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty và công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá qui định trong hợp đồng mua, bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	410.934.577	710.005.573
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.544.256.728	27.116.162.620
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	35.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	<u>59.955.191.305</u>	<u>97.826.168.193</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng. Toàn bộ khoản tiền gửi này trong năm 2020 đã được đáo hạn.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100255115 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 12 năm 2020 thì vốn điều lệ của Công ty này là 52.000.000.000 đồng, tương đương 5.200.000 CP. Công ty đã đầu tư vào Công ty này 1.841.309.273 đồng tương đương 184.131 cổ phần tương đương 3,54% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Công ty này đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	606.933.721.461	502.919.441.008
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	606.933.721.461	502.919.441.008
Phải thu các khách hàng khác	10.966.793.350	10.374.131.768
Tổng công ty Điện lực Miền Trung ^(*)	8.550.928.238	8.390.529.366
Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	1.962.063.519	1.452.419.602
Các khách hàng khác	453.801.593	531.182.800
Cộng	<u>617.900.514.811</u>	<u>513.293.572.776</u>

^(*)Khoản phải thu được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đông Gia Lai là tiền thu bán điện thương phẩm (Xem thuyết minh số V.16b).

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	34.883.256.722	21.199.189.264
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom ^(*)	5.597.590.458	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ^(*)	29.285.666.264	21.199.189.264
Cộng	<u>54.883.256.722</u>	<u>41.199.189.264</u>

^(*)Xem thuyết minh VIII.3 trang 37 – 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.222.699.020	(9.222.699.020)	7.115.833.333	(7.115.833.333)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Lãi cho vay ^(*)	9.222.699.020	(9.222.699.020)	7.115.833.333	(7.115.833.333)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.043.339.885	(13.218.491.910)	22.368.476.076	(15.943.888.115)
Phải thu về lãi cho vay ^(*)	7.580.067.152	(7.580.067.152)	15.943.888.115	(15.943.888.115)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	7.580.067.152	(7.580.067.152)	14.198.597.661	(14.198.597.661)
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	-	-	1.745.290.454	(1.745.290.454)
Tạm ứng	127.890.371	-	99.248.682	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.335.382.362	(5.638.424.758)	6.325.339.279	-
Cộng	23.266.038.905	(22.441.190.930)	29.484.309.409	(23.059.721.448)

^(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 37 – 40.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan		29.222.699.020	(29.222.699.020)		27.115.833.333	(27.115.833.333)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào ^(*)		29.222.699.020	(29.222.699.020)		27.115.833.333	(27.115.833.333)
Gốc vay	trên 3 năm	20.000.000.000	(20.000.000.000)	trên 3 năm	20.000.000.000	(20.000.000.000)
Lãi vay	trên 3 năm	9.222.699.020	(9.222.699.020)	trên 3 năm	7.115.833.333	(7.115.833.333)
Các tổ chức và cá nhân khác		48.948.784.052	(48.393.019.132)		43.628.537.557	(37.434.347.879)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ^(*)		36.865.733.416	(36.865.733.416)		35.397.786.925	(35.397.786.925)
Gốc vay	trên 3 năm	29.285.666.264	(29.285.666.264)	trên 3 năm	21.199.189.264	(21.199.189.264)
Lãi vay	trên 3 năm	7.580.067.152	(7.580.067.152)	trên 3 năm	14.198.597.661	(14.198.597.661)
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom ^(*)		5.597.590.458	(5.597.590.458)		1.745.290.454	(1.745.290.454)
Gốc vay	trên 3 năm	5.597.590.458	(5.597.590.458)		-	-
Lãi vay	trên 3 năm	-	-	trên 3 năm	1.745.290.454	(1.745.290.454)
Các tổ chức và cá nhân khác	trên 3 năm	6.485.460.178	(5.929.695.258)	trên 3 năm	6.485.460.178	(291.270.500)
Cộng		78.171.483.072	(77.615.718.152)		70.744.370.890	(64.550.181.212)

Tình hình biến động dự phòng trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	64.550.181.212	66.804.890.758
Trích lập dự phòng bổ sung ^(*)	17.065.536.940	1.745.290.454
Hoàn nhập dự phòng	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số cuối năm	77.615.718.152	64.550.181.212

^(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 37 – 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.677.948.165	-	4.456.750.917	-
Công cụ, dụng cụ	39.745.000	-	87.839.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.972.000	-	-	-
Cộng	4.725.665.165	-	4.544.589.917	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	146.360.753	145.301.523
Thí nghiệm hiệu chỉnh	488.588.549	478.473.636
Cộng	634.949.302	623.775.159

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sửa chữa tài sản cố định ^(*)	6.697.883.262	4.245.054.689
Công cụ dụng cụ	889.529.784	150.795.457
Chi phí trả trước dài hạn khác	609.096.668	821.816.875
Cộng	8.196.509.714	5.217.667.021

^(*)Tháng 03 năm 2020, Công ty hoàn thành việc thay thế hệ thống điều tốc tổ máy H2 của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn với giá trị hơn 07 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.084.016.990.854	727.393.517.990	144.307.301.605	2.417.633.034	1.958.135.443.483
Mua trong năm	-	499.700.000	-	-	499.700.000
Số cuối năm	1.084.016.990.854	727.893.217.990	144.307.301.605	2.417.633.034	1.958.635.143.483
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.153.996.755	52.526.892.642	8.461.555.880	1.470.982.680	64.613.427.957
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	692.992.854.716	510.540.569.016	108.417.820.991	1.646.699.551	1.313.597.944.274
Khấu hao trong năm	34.273.970.863	22.547.965.722	5.320.789.061	251.971.876	62.394.697.522
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	68.544.647	-	-	-	68.544.647
Số cuối năm	727.335.370.226	533.088.534.738	113.738.610.052	1.898.671.427	1.376.061.186.443
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	391.024.136.138	216.852.948.974	35.889.480.614	770.933.483	644.537.499.209
Số cuối năm	356.681.620.628	194.804.683.252	30.568.691.553	518.961.607	582.573.957.040

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 513.842.176.579 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định là Nhà máy thủy điện Hà Tây đang được ghi nhận theo giá tạm tính theo quyết định số 49a/QĐ-CT-TCKT ngày 09 tháng 07 năm 2015 của Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên là 258.765.935.011 VND (Nhà cửa, vật kiến trúc: 169.392.273.157 VND và Máy móc thiết bị: 89.373.661.854 VND) do quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình hoàn thành của Nhà máy chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình tập hợp sau thời điểm tăng nguyên giá tài sản cố định được trình bày ở chi tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Khi quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các khoản chi phí này sẽ được ghi tăng nguyên giá nếu giá tài sản cố định nếu giá trị quyết toán được phê duyệt lớn hơn giá trị tạm tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất tại lô đất số 165 Trường Chinh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Số cuối năm	<u>3.400.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.400.000.000</u>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà máy thủy điện Hà Tây. (Xem thuyết minh số V.9).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	34.264.319.292	34.464.319.292
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	3.158.693.486	3.158.693.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	25.985.076.737	26.085.076.737
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.123.747.767	2.123.747.767
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	2.925.882.302	3.025.882.302
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - UCRIN	70.919.000	70.919.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.557.592.713	14.225.964.754
Công ty TNHH Thiết bị Linh Lăng Hằng Viễn Hồ Nam Trung Quốc	8.720.775.720	8.735.824.513
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Nam	1.251.151.574	1.587.787.907
Các nhà cung cấp khác	5.585.665.419	3.902.352.334
Cộng	<u>49.821.912.005</u>	<u>48.690.284.046</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.656.844.496	29.836.441.077	(28.084.734.495)	-	3.408.551.078
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.181.856.316	26.040.179.193	(27.882.535.818)	401.168.136	17.740.667.827
<i>Trong đó:</i>					
Cục thuế Bình Phước	17.288.126.460	22.478.231.478	(22.288.126.460)	-	17.478.231.478
Cục thuế Điện Biên	-	1.961.917.729	(2.363.085.865)	401.168.136	-
Cục thuế Gia Lai	1.893.729.856	1.600.029.986	(3.231.323.493)	-	1.390.121.301
Thuế thu nhập cá nhân	1.162.384.700	2.251.424.324	(2.484.589.929)	-	929.219.095
Thuế tài nguyên	2.143.437.770	30.315.998.158	(30.824.027.679)	-	1.635.408.249
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	852.519.448	(852.519.448)	-	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí môi trường rừng	3.353.156.496	11.707.278.300	(12.381.110.856)	-	2.679.323.940
Phí cấp quyền khai thác nước mặt	3.500.393.500	4.802.029.000	(4.802.029.000)	-	3.500.393.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.733.906	(9.733.906)	-	-
Cộng	<u>30.998.073.278</u>	<u>105.823.603.406</u>	<u>(107.329.281.131)</u>	<u>401.168.136</u>	<u>29.893.563.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 39121000078 ngày 05 tháng 05 năm 2014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp, Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2015), được miễn thuế trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Công ty con được hưởng ưu đãi về thuế suất từ năm 2015 đến năm 2029. Năm 2020 là năm thứ ba Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty và công ty con phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm với mức thuế suất 5%.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Cần Đơn theo qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên được miễn tiền thuê đất trong 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động (tháng 7 năm 2015) đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Hà Tây theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000078 ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2014.

Công ty và Công ty con phải nộp tiền thuê đất trên diện tích đất xây dựng Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II, Thủy điện Nà Lơi và phần đất xây dựng công trình phụ trợ của Nhà máy Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty và công ty con phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt

Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt cho hoạt động thủy điện theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	9.062.601.090	698.871.449
Chi phí thưởng an toàn điện	324.939.938	146.400.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	222.160.909	69.770.000
Cộng	9.609.701.937	915.041.449

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	35.840.520.000	641.700.000
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - cổ tức phải trả	35.161.056.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	679.464.000	641.700.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	37.819.839.307	72.458.131.809
Kinh phí công đoàn	218.157.275	309.736.673
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	251.494.315	72.829.828
Cổ tức phải trả	35.462.934.305	70.446.219.275
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.887.253.412	1.629.346.033
Cộng	73.660.359.307	73.099.831.809

15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan</i>	3.533.703.795	3.210.700.766
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	3.533.703.795	3.210.700.766
<i>Vay ngắn hạn phải trả cá nhân khác</i>	200.000.000	-
Vay Ông Bùi Ngọc Phú	200.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</i>	6.000.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	6.000.000.000	5.500.000.000
Cộng	9.733.703.795	8.710.700.766

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn phải trả cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	Cộng
Số đầu năm	-	3.210.700.766	5.500.000.000	8.710.700.766
Số tiền vay trong năm	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.100.000.000)	(3.210.700.766)	(5.500.000.000)	(9.810.700.766)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	3.533.703.795	6.000.000.000	9.533.703.795
Số cuối năm	200.000.000	3.533.703.795	6.000.000.000	9.733.703.795

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	97.138.194.313	100.845.551.003
Tổng công ty Sông Đà – CTCP ⁽ⁱ⁾	97.138.194.313	100.845.551.003
Vay dài hạn phải trả ngân hàng	134.943.000.000	140.943.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	134.943.000.000	140.943.000.000
Cộng	232.081.194.313	241.788.551.003

(i) Khoản vay Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2011/HĐTĐ-ADB-TĐSD-CD ngày 30 tháng 11 năm 2011. Mục đích vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn dự án thủy điện Cần Đơn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước. Số tiền vay là 5.000.000 USD (Năm triệu Đô la Mỹ), thời hạn vay 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn. Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 05 tháng 5 và 05 tháng 11 hàng năm theo thông báo trả nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Lãi suất cho vay gồm lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo, phí cho vay lại phải trả cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP là 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay theo quy định. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đông Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 79/HĐTĐ ngày 29 tháng 12 năm 2012 để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hà Tây. Hạn mức vay 158.943.000.000 VNĐ, thời hạn vay 13 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, bao gồm cả 2 năm ân hạn. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của AgriBank Chi nhánh Đông Gia Lai cộng với 2,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Số tiền vay được trả 12 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hà Tây bao gồm vốn vay, vốn tự có và nguồn vốn huy động khác (nếu có) và được cầm cố bằng nguồn thu bán điện của nhà máy thủy điện.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	140.943.000.000	6.000.000.000	57.500.000.000	77.443.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	100.671.898.108	3.533.703.795	18.148.692.274	78.989.502.039
Cộng	241.614.898.108	9.533.703.795	75.648.692.274	156.432.502.039
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	146.443.000.000	5.500.000.000	40.000.000.000	100.943.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	104.056.251.769	3.210.700.767	16.489.902.613	84.355.648.389
Cộng	250.499.251.769	8.710.700.767	56.489.902.613	185.298.648.389

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Bên liên quan</u>	<u>Ngân hàng</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	100.845.551.003	140.943.000.000	241.788.551.003
Số đã trả trong năm	(5.808)	-	(5.808)
Số kết chuyển	(3.533.703.795)	(6.000.000.000)	(9.533.703.795)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(173.647.087)	-	(173.647.087)
Số cuối năm	<u>97.138.194.313</u>	<u>134.943.000.000</u>	<u>232.081.194.313</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành</u>	<u>Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.457.289.977	245.006.956	705.889.656	10.408.186.589
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.025.300.000	367.000.000	-	8.392.300.000
Tăng khác	2.000.000	-	-	2.000.000
Chi quỹ khen thưởng	(9.770.903.723)	(373.000.000)	-	(10.143.903.723)
Chi quỹ phúc lợi	(2.374.388.921)	-	-	(2.374.388.921)
Hao mòn TSCĐ phúc lợi	-	-	(68.544.647)	(68.544.647)
Cộng	<u>5.339.297.333</u>	<u>239.006.956</u>	<u>637.345.009</u>	<u>6.215.649.298</u>

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con.

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.005.761.486	1.320.187.237
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	2.477.692.336	685.574.249
Số cuối năm	<u>4.483.453.822</u>	<u>2.005.761.486</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	689.986.200.000	1.212.070.479	76.964.793.542	194.515.794.019	11.016.994.069	973.695.852.109
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	153.702.855.044	(791.047.210)	152.911.807.834
Trích lập các quỹ	-	-	7.498.244.019	(22.019.244.019)	-	(14.521.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(172.496.550.000)	-	(172.496.550.000)
Số dư cuối năm trước	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	153.702.855.044	10.225.946.859	939.590.109.943
Số dư đầu năm nay	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	153.702.855.044	10.225.946.859	939.590.109.943
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	101.084.554.434	(1.335.582.808)	99.748.971.626
Trích lập các quỹ	-	-	-	(8.392.300.000)	-	(8.392.300.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(144.897.102.000)	-	(144.897.102.000)
Số dư cuối năm nay	689.986.200.000	1.212.070.479	84.463.037.561	101.498.007.478	8.890.364.051	886.049.679.569

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	351.610.560.000	351.610.560.000
Các cổ đông khác	338.375.640.000	338.375.640.000
Cộng	689.986.200.000	689.986.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	68.998.620	68.998.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	144.897.102.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.025.300.000
• Trích thưởng người quản lý Công ty	367.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	330.685.962.212	424.672.405.165
Doanh thu khác	584.493.039	450.202.091
Cộng	<u>331.270.455.251</u>	<u>425.122.607.256</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán điện thương phẩm của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP với số tiền là 245.408.278.258 VND (năm trước là 309.224.382.192 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động bán điện	152.979.319.236	187.650.413.634
Giá vốn khác	324.628.312	144.094.103
Cộng	<u>153.303.947.548</u>	<u>187.794.507.737</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.249.889.321	7.556.920.810
Lãi cho vay ^(*)	11.427.112.182	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.769.814	8.668.445
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	188.970.018	106.469.741
Cộng	<u>15.867.741.335</u>	<u>7.672.058.996</u>

(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 37 – 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.048.885.173	18.595.438.935
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.434.192	16.648.918
Cộng	16.068.319.365	18.612.087.853

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	19.696.370.563	19.143.562.557
Chi phí vật liệu quản lý	395.608.914	306.551.734
Chi phí đồ dùng văn phòng	888.738.683	947.442.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.037.655.181	1.168.599.071
Thuế, phí và lệ phí	273.682.364	381.119.920
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi ^(*)	13.065.536.940	(2.254.709.546)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.415.983.103	2.420.929.464
Các chi phí khác	12.173.716.116	11.482.885.167
Cộng	49.947.291.864	33.596.380.475

^(*) Xem thuyết minh VIII.3 trang 37 – 40.

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	560.903.691	467.346.352
Thu nhập khác	209.272.122	164.098.912
Cộng	770.175.813	631.445.264

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	214.236.561	184.666.891
Thuế bị phạt, bị truy thu	9.733.906	704.193.358
Chi phí khác	98.000.000	105.919.966
Cộng	321.970.467	994.780.215

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101.084.554.434	153.702.855.044
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(8.392.300.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	101.084.554.434	145.310.555.044
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	68.998.620	68.998.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.465	2.106

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.228 VND xuống còn 2.106 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.286.916.798	19.149.375.425
Chi phí nhân công	44.954.119.666	44.314.134.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.394.697.522	75.799.053.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.094.899.105	7.134.404.007
Chi phí khác	68.528.578.321	74.992.120.858
Cộng	<u>203.259.211.412</u>	<u>221.389.088.212</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Năm nay</u>
Thanh toán với Tổng công ty Sông Đà – CTCP thông qua việc bù trừ công nợ	
• Trả nợ gốc vay	3.210.706.574
• Trả lãi vay ngân hàng và phí vay lại	2.627.617.281
• Trả cổ tức năm 2019	38.677.161.600
Cộng	<u>44.515.485.455</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mai Ngọc Hoàn	434.700	517.500
Nguyễn Quang Tuyền	24.011.400	28.585.000
Trần Văn Sáu	12.429.900	14.797.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.15a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay					
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</i>					
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch	811.621.665	89.915.714	-	901.537.379
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	658.646.600	102.724.928	52.560.000	813.931.528
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	485.297.109	85.042.615	52.560.000	622.899.724
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	16.000.000	52.560.000	68.560.000
Ông Trần Đức Tân	Thành viên	-	16.000.000	52.560.000	68.560.000
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	428.236.742	81.426.869	-	509.663.611
<i>Ban kiểm soát</i>					
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban từ ngày 18/6/2020	174.076.966	14.514.868	-	188.591.834
Ông Lê Việt Đoàn	Trưởng ban đến ngày 18/6/2020	152.317.345	34.817.721	-	187.135.066
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	-	16.000.000	43.800.000	59.800.000
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	328.192.033	87.736.280	43.800.000	459.728.313
Cộng		3.038.388.460	544.178.995	297.840.000	3.880.407.455
Năm trước					
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</i>					
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch	315.000.000	6.000.000	-	321.000.000
Ông Mai Ngọc Hoàn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	652.673.534	80.591.623	108.000.000	841.265.157
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	480.758.196	67.317.109	96.000.000	644.075.305
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	13.000.000	96.000.000	109.000.000
Ông Trần Đức Tân	Thành viên từ ngày 30/6/2019	-	6.000.000	48.000.000	54.000.000
Ông Đồng Văn Tâm	Thành viên đến ngày 30/6/2019	238.200.936	56.563.036	48.000.000	342.763.972
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	485.027.334	67.445.125	-	552.472.459
<i>Ban kiểm soát</i>					
Ông Lê Việt Đoàn	Trưởng ban từ ngày 30/6/2019	112.000.000	6.000.000	-	118.000.000
Bà Đỗ Thị Trâm Phương	Trưởng ban đến ngày 30/6/2019	96.000.000	37.087.949	-	133.087.949
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	-	13.000.000	60.000.000	73.000.000
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	331.515.888	47.559.246	60.000.000	439.075.134
Cộng		2.711.175.888	400.564.088	516.000.000	3.627.739.976

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Thủy điện Cần Đơn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	Công ty mẹ
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Các công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Thủy điện Cần Đơn chỉ phát sinh giao dịch với Tổng công ty Sông Đà – CTCP như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức	73.838.217.600	87.902.640.000
Lãi vay và phí cho vay lại	2.366.550.356	4.225.907.215

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3; V.4; V.5; V.6; V.12; V.15 và V.16.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thủy điện Cần Đơn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. **Các thông tin bổ sung**

Các khoản cho vay Công ty Cổ phần Điện Việt Lào, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom phát sinh trong năm 2012, đã quá hạn thanh toán từ cuối năm 2015 và Công ty mẹ đã tự dừng hạch toán lãi vay từ khi quá hạn thanh toán gốc vay. Công ty đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với toàn bộ số dư gốc và lãi vay đã hạch toán từ các năm trước. Hàng năm, Công ty mẹ chỉ đối chiếu xác nhận số gốc và lãi vay đã hạch toán trên sổ kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính mà chưa đối chiếu, xác nhận số lãi vay tính trên gốc vay quá hạn chưa hạch toán trên sổ kế toán.

Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tính đúng, tính đủ và hạch toán đầy đủ các khoản lãi vay theo đúng quy định của Hợp đồng cho vay. Thực hiện Nghị quyết này, Ban Tổng Giám đốc đã tự kiểm tra lại toàn bộ các nghiệp vụ thu nợ gốc, thu lãi và tính lãi vay đã hạch toán từ năm 2012 đến hết năm 2015. Kết quả tự kiểm tra cho thấy Công ty mẹ chưa tính lãi vay của khoản lãi định kỳ chưa thanh toán và một vài trường hợp hạch toán thu nợ gốc trước khi thu lãi dẫn đến tính thiếu lãi vay phải thu theo hợp đồng. Theo đó, Công ty mẹ hạch toán bổ sung khoản lãi cho vay tính thiếu, điều chỉnh lại số dư gốc vay và lãi vay đồng thời trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với số lãi vay và gốc vay hạch toán bổ sung này; tính và mở sổ theo dõi khoản lãi cho vay trên sổ gốc cho vay (tính lại) đã quá hạn thanh toán chưa đủ điều kiện ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

3a. **Thông tin về các hợp đồng cho vay:**

Trong năm 2012, Công ty mẹ ký kết các hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào và Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom. Thông tin chung về các hợp đồng như sau:

- Thời hạn cho vay : 01 năm
- Lãi suất: theo Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước áp dụng cho từng khoản vay ngắn hạn của Công ty theo từng thời điểm vay.
- Lãi suất nợ quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn
- Thời điểm thu lãi: Thu lãi vay vào ngày 10 của tháng đầu quý, trường hợp các khoản lãi vay quá thời hạn thanh toán sẽ được tính lãi như đối với gốc vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên tắc trả nợ:
 - Nợ gốc trả 1 lần vào thời điểm đến hạn
 - Lãi vay trả 03 tháng 1 lần vào ngày 10 của tháng đầu quý
 - Thứ tự ưu tiên thanh toán: Trong trường hợp Bên vay không đủ tiền để thanh toán nợ gốc, lãi thì Bên cho vay quyết định thứ tự ưu tiên thanh toán trả lãi trước và nợ gốc sau.
 - Tài sản đảm bảo: Không có

 - (i) **Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long:**

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD/CĐ-XMHL ngày 01/01/2012 và các phụ lục:

 - Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ/CĐ-XMHL ngày 01/01/2013 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2013.
 - Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ/CĐ-XMHL ngày 01/01/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2014.
 - Phụ lục hợp đồng số 01/2015/PLHĐ/CĐ-XMHL ngày 01/01/2015 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2015.

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 08/2012/HĐTD/RNII-XMHL ngày 01/04/2012 và các phụ lục:

 - Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ/RNII-XMHL điều chỉnh số tiền cho vay và gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 01/04/2014.
 - Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ/RNII-XMHL ngày 01/04/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/09/2014.
 - Phụ lục hợp đồng số 04/2014/PLHĐ/CĐ-XMHL ngày 01/10/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 31/12/2015.

 - (ii) **Công ty Cổ phần Điện Việt Lào:**

Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐVV/CĐ-VL ngày 29/6/2012 và các phụ lục:

 - Phụ lục hợp đồng số 02/2013/PLHĐ/CĐ-VL ngày 30/6/2013 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/06/2014.
 - Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ/CĐ-VL ngày 30/6/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/06/2015.

 - (iii) **Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom:**

Hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐVV/CĐ-TX ngày 25/7/2012 và các phụ lục

 - Phụ lục hợp đồng số 03/2013/PLHĐ/CĐ-TX ngày 26/7/2013 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 26/07/2014.
 - Phụ lục hợp đồng số 03/2014/PLHĐ/CĐ-TX ngày 27/7/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 27/07/2015.

Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD/RNII-TĐTX ngày 20/9/2012 và các phụ lục

 - Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ/RNII-TĐTX ngày 01/01/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 30/09/2014.
 - Phụ lục hợp đồng số 05/2014/PLHĐ/CĐ-TĐTX ngày 01/10/2014 gia hạn thời gian trả nợ gốc đến ngày 01/10/2015.
- 3b. Quá trình tính lãi và hạch toán của Công ty mẹ trước thời điểm hết hạn trả nợ gốc vay.**
Theo quy định của hợp đồng thì lãi vay được tính và thanh toán 03 tháng một lần, vào ngày 10 của đầu mỗi quý, trường hợp các khoản lãi vay quá thời hạn thanh toán sẽ được tính lãi như đối với gốc vay. Khi trả nợ sẽ ưu tiên thanh toán trừ tiền lãi trước, trừ nợ gốc sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tuy nhiên, trong quá trình tính toán, hạch toán trước đây, Công ty mẹ đã căn cứ vào chứng từ trả nợ của đơn vị để hạch toán giảm dư nợ gốc vay mà chưa tính toán, hạch toán theo quy định tại hợp đồng. Cụ thể là: Công ty mẹ chưa tính lãi vay của khoản lãi định kỳ chưa trả được; Khi bên đi vay trả nợ, Công ty mẹ đã chưa trừ hết lãi vay phải thu mà trừ một phần vào số dư nợ gốc, dẫn đến tính thiếu số lãi vay phải thu theo hợp đồng. Căn cứ theo các điều khoản của hợp đồng cho vay, Công ty mẹ đã thực hiện tính toán lại số lãi phải thu trong hạn (từ khi cho vay đến khi hết thời hạn hợp đồng cho vay) theo đúng quy định của Hợp đồng, số lãi tăng thêm là 8.519.073.655 VND và tính bổ sung lãi vay đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom từ khi hết thời hạn trả nợ gốc đến ngày 19/06/2017. Chi tiết như sau:

Đơn vị	Số thu nợ gốc chưa đúng theo Hợp đồng phải tính vào thu lãi	Lãi vay phát sinh từ gốc (giai đoạn từ 2012-2015) còn thiếu phải bổ sung	Lãi phát sinh từ lãi vay quá hạn thanh toán (giai đoạn từ 2012-2015)	Lãi vay phát sinh từ khi hết thời gian gia hạn Hợp đồng đến 19/6/2017	Tổng cộng lãi vay
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.086.477.000	1.148.970.263	4.318.976.228	-	5.467.946.491
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	5.597.590.458	521.972.105	422.289.372	2.908.038.527	3.852.300.004
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	-	609.166.667	1.497.699.020	-	2.106.865.687
Tổng cộng	13.684.067.458	2.280.109.035	6.238.964.620	2.908.038.527	11.427.112.182

Công ty đã thực hiện hạch toán bổ sung và trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

- Hạch toán tăng phải thu về gốc vay, giảm phải thu về lãi vay số tiền: 13.684.067.458 VND
- Hạch toán tăng doanh thu tài chính, tăng phải thu khác đối với lãi vay phải thu bổ sung do tính lại, số tiền: 11.427.112.182 VND.
- Hạch toán trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, số tiền là: 11.427.112.182 VND, trong đó: phải thu nợ gốc là 3.852.300.004 VND và phải thu lãi cho vay là 7.574.812.178 VND.

Việc hạch toán tăng doanh thu tài chính và tăng trích lập dự phòng này không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

3c. Việc tính toán và theo dõi khoản lãi cho vay từ sau thời điểm hết hạn trả nợ gốc vay:

Ngày 08/10/2015, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 19/CĐ-NQ-HĐQT không đồng ý gia hạn thời hạn trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng nói trên. Điều đó đồng nghĩa với việc các khoản nợ chưa thu hồi được sẽ chuyển thành nợ quá hạn kể từ thời điểm không được gia hạn nợ. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long: Chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/01/2016 đến nay.
- Công ty Cổ phần Điện Việt Lào: Chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/07/2015 đến nay.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom: Chuyển nợ quá hạn từ ngày 28/7/2015 đến nay

Kể từ khi các Hợp đồng cho vay không được gia hạn, Công ty mẹ chưa thực hiện tính thêm bất kỳ một khoản lãi vay nào (kể cả lãi vay trong và quá hạn) trên số dư nợ này, đồng thời cũng chưa tiến hành đối chiếu và đòi nợ bất kỳ khoản lãi phát sinh thêm nào.

Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tính đúng, tính đủ và hạch toán đầy đủ các khoản lãi vay theo đúng quy định của Hợp đồng cho vay. Thực hiện Nghị quyết này, Công ty mẹ đã tính toán lại các khoản lãi vay phải thu theo đúng quy định tại Hợp đồng cho vay như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị	Tổng số lãi vay (từ 2012 – 2020)	Lãi vay phát sinh từ 2012-2015 đã hạch toán doanh thu	Lãi vay phát sinh từ khi hết thời hạn gia hạn hợp đồng đến 19/06/2017 đã hạch toán doanh thu	Lãi vay phát sinh từ khi hết thời hạn gia hạn hợp đồng đến 31/12/2020 chưa hạch toán doanh thu
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	85.182.815.479	19.666.544.152	-	65.516.271.327
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	11.082.399.621	2.689.551.931	2.908.038.527	5.484.809.163
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	57.966.384.724	9.222.699.020	-	48.743.685.704
Tổng cộng	154.231.599.824	31.578.795.103	2.908.038.527	119.744.766.194

Các năm trước đây Công ty đã dừng tính lãi vay bổ sung kể từ khi hết thời gian gia hạn các khoản vay, do vậy Công ty cũng chưa hạch toán và chưa trình bày trên Báo cáo tài chính khoản lãi vay bổ sung này. Công ty đã thực hiện tính toán lại các khoản lãi vay trong năm 2020 (như đã trình bày ở trên). Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC thì khoản lãi quá hạn dự thu tính từ thời điểm hết thời gian gia hạn trả nợ gốc đến 31/12/2020 số tiền 119.744.766.194 VND chưa đủ điều kiện để hạch toán doanh thu tài chính. Do đó, Công ty chưa hạch toán tăng doanh thu tài chính khoản lãi dự thu này mà chỉ mở sổ theo dõi để có cơ sở đơn đốc thu hồi lãi vay. Hiện tại, Công ty đã nộp đơn khởi kiện các đơn vị nói trên để đòi toàn bộ các khoản nợ (bao gồm cả khoản nợ tính thêm từ khi hết hạn thời hạn trả nợ cho tới nay) về cho đơn vị. Vì vậy, Công ty trình bày bổ sung nội dung này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để Cổ đông được biết.

3d. Các bước đã và đang thực hiện tại Công ty:

- Công ty mẹ đã hạch toán bổ sung (tăng) doanh thu hoạt động tài chính của năm 2020 và trình bày lại Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.
- Công ty mẹ đã tính toán bổ sung các khoản lãi phải thu thêm theo quy định của hợp đồng đến ngày 31/12/2020 như đã trình bày tại mục 3c nêu trên.
- Công ty mẹ đã làm việc trực tiếp và gửi đối chiếu Công nợ với các đơn vị vay với số tiền đã trình bày trên.
- Công ty mẹ đã phối hợp với đơn vị tư vấn luật nộp đơn khởi kiện (trong tháng 4 và tháng 5/2021) các đơn vị đi vay trên với số tiền lãi tính đến hết ngày 31/3/2021.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ căn cứ phán quyết của tòa án, đồng thời căn cứ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của công ty để hạch toán và phản ánh số lãi bổ sung nói trên vào Báo cáo tài chính từng kỳ theo đúng quy định.

4. Thông tin về lập lại Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty vào ngày 08 tháng 04 năm 2021.

Thực hiện yêu cầu về việc tính đúng, tính đủ theo các điều khoản của hợp đồng cho vay của HĐQT tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2021, Công ty đã xác định lại số dư nợ gốc và nợ lãi đối với các khoản cho vay tại thời điểm hết hạn thời hạn cho vay (năm 2015), theo đó, số dư nợ gốc cho vay tăng thêm 13.684.067.458 VND và số dư nợ lãi giảm tương ứng. Đồng thời, Công ty tính toán và ghi nhận bổ sung doanh thu hoạt động tài chính đối với khoản lãi cho vay tính lại từ năm 2012 đến năm 2015, số tiền 8.519.073.655 VND; từ năm 2015 đến 2020 (của Hợp đồng với Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom) số tiền 2.908.038.527 VND và trích lập dự phòng 100% đối với khoản lãi đã ghi nhận bổ sung này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất có điều chỉnh số liệu như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	41.199.189.264	13.684.067.458	54.883.256.722
Phải thu ngắn hạn khác	136	25.522.994.181	(2.256.955.276)	23.266.038.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(66.188.605.970)	(11.427.112.182)	(77.615.718.152)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.440.629.153	11.427.112.182	15.867.741.335
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.520.179.682	11.427.112.182	49.947.291.864
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Các khoản dự phòng	03	1.638.424.758	11.427.112.182	13.065.536.940
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.249.889.321)	(11.427.112.182)	(15.677.001.503)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện nêu tại mục VIII.3, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 04 tháng 6 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Bé

Hồ Thị Huế

Mai Ngọc Hoàn